

Phụ lục
KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)*

Đơn vị tính: Ha

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	Tổng số	317,3	120,15	197,15	
	Trồng cây hàng năm	291,95	109,3	182,65	
	Trồng cây lâu năm	5,5	0,5	5	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	19,85	10,35	9,5	
	Trong đó:				
1	Quận Thuận Hóa	2	2	0	
	Trồng cây hàng năm	2	2		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
2	Quận Phú Xuân	75		75	
	Trồng cây hàng năm	75		75	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
3	Thị xã Hương Trà	4	2	2	
	Trồng cây hàng năm	1,5	1,5		
	Trồng cây lâu năm	2,5	0,5	2	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
4	Thị xã Hương Thủy	22,6	19,15	3,45	
	Trồng cây hàng năm	22,25	18,8	3,45	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,35	0,35		

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
5	Thị xã Phong Điền	44	43	1	
	Trồng cây hàng năm	44	43	1	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
6	Huyện Phú Lộc	106,2		106,2	
	Trồng cây hàng năm	103,2		103,2	
	Trồng cây lâu năm	3		3	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
7	Huyện Phú Vang	2,5		2,5	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2,5		2,5	
8	Huyện Quảng Điền	52	45	7	
	Trồng cây hàng năm	35	35		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	17	10	7	
9	Huyện A Lưới	9	9	0	
	Trồng cây hàng năm	9	9		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				